

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2023, về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Danh T, sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị H sinh năm 2001, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Đỗ Thị Nh, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh T, bị đơn chị H, đều trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/10/2019 và chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, đến tháng 6/2022 thì sống ly thân cho đến nay và không còn quan tâm tới nhau. Nay, anh T, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T xin ly hôn, chị

H đồng ý.

Về con chung: Anh T, chị H xác định có một con Nguyễn G. B sinh ngày 16/3/2020, hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T, chị H đều có quan điểm, để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh T, chị H xác định trong quá trình chung sống không có tài sản chung; không nợ tài sản của ai; không cho ai vay tài sản; không có tài sản, công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình hai bên. Vì vậy, khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị bà N, bà Nh (là mẹ của đương sự) xác định: Anh T, chị H là vợ chồng, khi còn chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành, đến nay không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Nay bà N, bà Nh đề nghị giải quyết cho anh T ly hôn chị H, giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, anh T ly hôn chị H; giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Anh T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T, chị H đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Anh T, chị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện tại UBND xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 28/10/2019, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Theo UBND các xã A, T, người thân trong gia đình đương sự đều xác định, mâu thuẫn giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên đương sự được gặp gỡ, tham gia phiên hòa giải, mục đích tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân, nhưng hai bên đều từ chối không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ hai bên đương sự đều không mong muốn tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử anh T ly hôn chị H.

[3]. Về con chung: Xác định anh T, chị H có một con Nguyễn G. B sinh ngày 16/3/2020. Khi ly hôn, hai bên đương sự đều có quan điểm tiếp tục giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, anh T tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của hai bên đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh T không yêu cầu. Chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Anh T, chị H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung; không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản; không có tài sản, công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình hai bên. Khi ly hôn, anh T, chị H không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Danh T ly hôn chị Đỗ Thị H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn G. B sinh ngày 16/3/2020 cho anh Nguyễn Danh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị Đỗ Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Danh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003503 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã A, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn